

Bản án số: 142/2017/HSPT

Ngày: 28-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh.

Ông Bạch Đăng Thi.

-Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thu- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/12/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 180/2017/HSPT ngày 27/10/2017 đối với các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Xuân B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: Phạm Văn N, tên gọi khác: không có; sinh năm 1990 tại xã H, huyện H; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn N, xã H, huyện H, Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Phạm Xuân B, sinh năm 1963 và con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1966 có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Xuân B, tên gọi khác: không có; sinh năm 1963 tại xã H, huyện H; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn N, xã H, huyện H, Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: lớp 07/10; Dân tộc: Kinh; Con ông: Phạm Văn T (đã chết) và con bà: Ngô Thị C (đã chết) có vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1966 và có 03 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

** Người tham gia tố tụng khác: vụ án còn có 4 bị cáo khác, 4 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 53/KSĐT ngày 25/6/2017 của VKSND huyện H và bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/9/2017 của TAND huyện H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ ngày 16/11/2016, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc đối tượng Phạm Thị H đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề cho khách tại nhà. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã bắt quả tang Phạm Thị H đang có hành vi bán các số lô, số đề cho Trần Phương L, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 đều ở thôn C, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể: L mua các số lô 63, 09, 94 mỗi số 30 điểm, mỗi điểm = 23.000 đồng, số đề 70 = 400.000 đồng, các số lô xiên 4 gồm 13, 10, 20, 11 = 230.000 đồng, tổng số tiền L mua các số lô, số đề của H là 2.700.000 đồng; T mua các số lô 11, 12, 51 mỗi số 20 điểm, mỗi điểm = 23.000 đồng, số lô 07 = 50 điểm, số đề 11 = 70.000 đồng, các số lô xiên 3 gồm 59, 05, 90 = 100.000 đồng, tổng số tiền T mua các số lô, số đề của H là 2.700.000 đồng. H đã nhận tiền của T và L là 5.400.000 đồng và ghi các số lô, đề cùng số tiền tương ứng mà T và L vừa mua ra tờ cáp rồi H đưa cho L và T. Cùng lúc đó tại nhà H, Phạm Văn N và Phạm Xuân B (là con và chồng H) đang mua các số lô, số đề bằng hình thức thông qua tin nhắn và gọi điện thoại của Đào Văn S; Phạm Thị Đ đều ở thôn C, xã X, huyện H; Ngô Thị B, sinh năm 1982 ở thôn Đ, xã H, huyện H; Phùng Như D, sinh năm 1965 ở thôn H, xã H, huyện H và Phạm Văn B, sinh năm 1982 ở thôn N, xã H, huyện H.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại bàn nơi H đang ghi số lô, số đề số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng), 03 (ba) tờ bìa bằng vỏ cây thuốc lá Thăng Long trong đó có 02 tờ đã ghi các số lô, số đề cho L và T (có chữ ký của H, L và T); 02 (hai) bút bi màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen có số IMEI: 3534119/04/208444/7 lắp sim số 01658712*** và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen có số IMEI: 356497/06/698850/0 lắp sim số 01647469*** (BL số 246 - 249)

Cùng ngày 16/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra lệnh khám xét khẩn cấp số 02/LKX đối với nơi ở của Phạm Thị H, kết quả thu giữ: Số tiền 103.200.000 đồng (Một trăm linh ba triệu hai trăm nghìn đồng); 07 (bảy) tờ cáp ghi số lô, số đề được đánh số từ 1 đến 7 có chữ ký xác nhận của Phạm Thị H, Phạm Xuân B và Phạm Văn N; 02 (hai) máy tính Casio ký hiệu FX-500MS và DF-120BM; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5 lắp sim số 0964.093.***; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu

Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 lắp sim số 0965.881.*** và 06 (sáu) bút bi để ghi số lô, số đề. (BL số 32 - 33)

Căn cứ lời khai của Phạm Văn N và Phạm Xuân B, trong các ngày 16 và 17/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra lệnh và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 ở thôn N, xã B, huyện H; Phạm Văn T, sinh năm 1978 ở thôn N, xã H, huyện H; Vũ Thị H, sinh năm 1974 ở thôn C, xã X, huyện H; Nguyễn Việt T, sinh năm 1971 ở thôn L, xã V, huyện S, thành phố H; Nguyễn Thị C, sinh năm 1950 ở thôn Đ, xã H, huyện H và nơi ở của Đào Văn S, Phạm Thị Đ, Ngô Thị B, Phùng Như D. Kết quả không thu giữ được gì (BL số 34 - 48).

Trong các ngày 17, 18, 20 và 21/11/2016 Đào Văn S, Phạm Thị Đ, Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Văn B, Phùng Như D và Nguyễn Thị C đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú khai nhận hành vi đánh bạc của mình. Khi đến đầu thú, S giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen có số Imei 1: 358162056305572, số Imei 2: 358162056305580 lắp sim số 0987.470.***; H giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đỏ có số Imei 1: 352246074462089, số Imei 2: 352246074462097;

Quá trình điều tra xác định được hành vi đánh bạc của các bị cáo như sau: Lợi dụng việc nhà nước tổ chức giải xổ số kiến thiết Miền Bắc và thông báo kết quả mở thưởng hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng, Phạm Văn N và bố là Phạm Xuân B đã thống nhất cùng nhau đánh bạc dưới hình thức ghi “lô, đề”. Để thực hiện hành vi đánh bạc, N và B dùng chiếc điện thoại Nokia lắp sim số 0964.093.*** và chiếc điện thoại Samsung G530 lắp sim số 0965.881.*** cùng nhận mua các số lô, số đề của thư ký gồm Phạm Văn T, Đào Văn S, Phạm Thị Đ, Ngô Thị B, Phùng Như D, Nguyễn Thị C, Vũ Thị H, Lê Thị H, Phạm Văn B và một số người chơi trực tiếp khác; trước 18 giờ hàng ngày, N và B nhận trực tiếp các số lô, số đề của thư ký và người chơi lô, đề qua điện thoại di động, tin nhắn điện thoại và Zalo, sau đó tổng hợp chung số lô, số đề đã ghi được N khai nhận chuyển cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 ở thôn N, xã B, huyện H và Nguyễn Việt T, sinh năm 1971 ở thôn L, xã V, huyện S, thành phố H để lấy tiền hoa hồng sử dụng cho việc chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình. Ngày 16/11/2016, do N và B đang nhận và tổng hợp các số lô, số đề ở trong nhà nên có nhờ Phạm Thị H ghi hộ số lô và đề cho khách H đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi H đang ghi hộ N và B các số lô, số đề cho đối tượng L và T thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc (lô, đề) của các đối tượng tham gia đánh bạc là cá cược hai, ba hoặc bốn số cuối của các giải xổ số kiến thiết Miền Bắc với tỉ lệ được thua để sát phạt nhau và thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

Dạng thứ nhất (gọi là chơi đề): Đặt cược hai số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất, nếu số của người chơi trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất (gọi

là trúng) sẽ được trả gấp 80 lần số tiền đặt cược, nếu thua cược thì sẽ bị mất số tiền đó.

Dạng thứ hai: Đặt cược cho 03 số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất (còn gọi là chơi 03 số hay 03 càng). Nếu người chơi trúng cược sẽ được trả 400 lần số tiền đặt cược (với 03 số), nếu thua cược thì sẽ bị mất số tiền đó.

Dạng thứ ba: Đặt cược hai số cuối của giải đặc biệt và giải nhất với cùng một số (còn gọi là chơi 02 cửa). Người chơi mua một số nhưng đặt cược ở giải đặc biệt và giải nhất. Nếu trúng sẽ được trả gấp 80 lần số tiền đặt cược, nếu thua cược thì sẽ bị mất số tiền đó.

Dạng thứ tư: Đặt cược 02 số cuối của tất cả các giải xổ số (còn gọi là chơi lô), nếu người chơi trúng cược sẽ được trả 80.000 đồng/01 điểm lô/01 nháy (mỗi điểm lô người chơi phải bỏ ra 23.000 đồng, mỗi nháy tương ứng với việc số đặt cược trùng với hai số cuối của một giải xổ số).

Dạng thứ năm: Đặt cược bộ số gồm 2 số, 3 số, 4 số có hai chữ số (từ 00 đến 99) để so sánh với hai số cuối của tất cả các giải xổ số (gọi là chơi lô xiên: xiên 2, xiên 3, xiên 4). Nếu trúng bộ 2 số (xiên 2) thì người chơi được trả gấp 10 lần số tiền đặt cược; nếu trúng bộ 3 số (xiên 3) thì người chơi được trả gấp 40 lần số tiền đặt cược; nếu trúng bộ 4 số (xiên 4) thì người chơi được trả gấp 100 lần số tiền đặt cược.

Hành vi đánh bạc của Phạm Văn N, Phạm Văn B với các đối tượng như sau:

1. Hành vi đánh bạc của N, B với Phạm Văn T:

Qua mối quan hệ cùng thôn, Phạm Văn T biết N và B làm chủ lô, đề nên T nhận đứng ra làm thư ký cho N. N đồng ý và thống nhất sẽ trích lại cho T 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Ngày 15/11/2016, sau khi ghi các số lô, số đề kho khách, T đã sử dụng điện thoại di động lắp sim số 0987.803.*** nhắn tin các số lô, số đề cho N qua mạng Zalo vào số điện thoại của N lắp sim số 0965.881.***. Sau khi nhận tin nhắn ghi lô đề của T, B ghi lại vào tờ cáp (ký hiệu A6) để làm căn cứ. Số tiền T đánh lô, đề với N và B là 6.868.000 đồng, số tiền trúng ngày 15/11/2016 là 4.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T đánh bạc với B và N ngày 15/11/2016 là 10.868.000 đồng (mười triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng). T đã thanh toán số tiền đánh bạc với N. Biết N bị Công an bắt về hành vi đánh bạc, T đã mang chiếc điện thoại sử dụng nhắn tin số lô, số đề với N đến thôn C, xã X, huyện H và vứt xuống sông Cầu, đến nay Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 18/11/2016, T đến Cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. (BL số 337, 341-342)

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N và B, kết quả kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5: Phần danh bạ có số điện thoại 0987.803.*** lưu với tên “T”; Phần tin nhắn trong mục Zalo có Nickname “Phạm T” gửi tin nhắn đến lúc 18 giờ 00 phút ngày 15/11/2016, nội dung: “Lo 63 x 20”, lúc 18 giờ 07 phút ngày 15/11/2016, nội dung: “Lo 50 x 10”; Tin nhắn đi 18 giờ 06 phút và 18 giờ 09 phút ngày 15/11/2016 đều với nội dung là

“OK”; Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5, kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0987.803.*** lưu với tên “C.T”, phần nhật ký cuộc gọi: số điện thoại 0987.803.*** gọi đến lúc 09 giờ 50 phút và 18 giờ 10 phút cùng ngày 15/11/2016.

2. Hành vi đánh bạc của N, B với Phạm Thị Đ:

Qua quen biết với N, Phạm Thị Đ biết N làm chủ lô, đề nên Đ đứng ra nhận làm thư ký cho N, N đồng ý và thống nhất sẽ trích lại cho Đ 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Hàng ngày, Đ sử dụng số điện thoại 0982.575.*** để liên lạc vào số điện thoại 0965.881.*** của N để báo các số lô, số đề. Cụ thể: Ngày 15/11/2016 Đ đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 3.587.000 đồng, số tiền Đ trúng ngày 15/11/2016 là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền Đ đánh bạc ngày 15/11/2016 là 5.587.000 đồng (năm triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Sau khi nhận tin nhắn ghi lô đề của Đ, N ghi lại vào tờ cáp (ký hiệu A7) để làm căn cứ. Đ đã thanh toán số tiền đánh bạc với N. Ngày 16/11/2016, Đ đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 4.137.000 đồng. Sau đó B ghi lại các số Đ đánh vào tờ cáp (ký hiệu A3) để làm căn cứ. Do N và B bị bắt nên Đ chưa thanh toán tiền với N. Đến ngày 18/11/2016 sau khi biết N và B bị bắt, Đ đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Chiếc điện thoại liên lạc với N, Đ đã làm mất, đến nay Cơ quan điều tra không thu hồi được. (BL số 357, 359 - 360)

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N và B, kết quả kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5: Phần danh bạ có số điện thoại 0982.575.*** lưu với tên “B”; phần nhật ký cuộc gọi: số điện thoại 0982.575.*** gọi đến lúc 17 giờ 49 phút ngày 15/11/2016 và 17 giờ 51 phút cùng ngày 16/11/2016. N và B trình bày đây là số điện thoại của Phạm Thị Đ.

3. Hành vi đánh bạc của N, B với Đào Văn S:

Do biết N và B làm chủ lô, đề nên S đứng ra nhận làm thư ký cho N. N đồng ý và thống nhất sẽ trích lại cho S 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Hàng ngày, S sử dụng số điện thoại 0987.470.*** để liên lạc với N, B để báo các số lô, số đề. Cụ thể: Ngày 15/11/2016 S đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 4.469.000 đồng, số tiền S trúng ngày 15/11/2016 là 1.200.000 đồng. Tổng số tiền S đánh bạc ngày 15/11/2016 là 5.669.000 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Sau đó N ghi lại các số lô đề S đánh vào tờ cáp (ký hiệu A4) để làm căn cứ. S đã thanh toán số tiền đánh bạc với N. Ngày 16/11/2016 S đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 3.255.000 đồng. B ghi vào tờ cáp (ký hiệu A1) Đến ngày 17/11/2016 sau khi biết N và B bị bắt, S đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình, khi đầu thú S giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen có số Imei 1: 358162056305572, số Imei 2: 358162056305580 lắp sim số 0987.470.***. (BL số 378, 382 - 384).

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N, B, và S. Kết quả: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5, của

N kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0987.470.*** lưu với tên “S” (N trình bày đây là số điện thoại của S). Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen có số Imei 1: 358162056305572, số Imei 2: 358162056305580 lắp sim số 0987.470.***, kết quả phần danh bạ có số điện thoại 0964.093.*** lưu với tên “B”. (S trình bày đây là số điện thoại của B).

4. Hành vi đánh bạc của N, B với Phùng Như D:

Do biết N, B làm chủ lô, đề nên D đứng ra nhận làm thư ký cho N, N thống nhất sẽ trích lại cho D 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Hàng ngày, D sử dụng số điện thoại 0968.062.*** để liên lạc với số 0965.881.790 và 0964.093.*** của N, B để báo các số lô, số đề. Cụ thể: Ngày 15/11/2016 D đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 2.536.000 đồng, số tiền D trúng ngày 15/11/2016 là 1.200.000 đồng. Tổng số tiền D đánh bạc ngày 15/11/2016 là 3.736.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng). N ghi lại các số D đánh vào tờ cấp (ký hiệu A4). D đã thanh toán số tiền đánh bạc với N. Ngày 16/11/2016 D đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 3.236.000 đồng. B ghi các số D đánh vào tờ cấp (ký hiệu A2). Do N và B bị bắt nên D chưa thanh toán. Đến ngày 20/11/2016, D đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Chiếc điện thoại liên lạc với N, D đã làm mất, đến nay Cơ quan điều tra không thu hồi được. (BL số 405, 407 - 408).

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N, B. Kết quả: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5, của N, kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0968.062.*** lưu với tên “C.D”, Kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 phần danh bạ có số điện thoại 0968.062.*** lưu với tên “D”. N, B trình bày, số điện thoại 0968.062.*** là số điện thoại của Phùng Như D.

5. Hành vi đánh bạc của N, B với Phạm Văn B:

Do ở cùng thôn và biết N nghi số lô, số đề nên khoảng 17 giờ 47 phút ngày 16/11/2016, B dùng số điện thoại 0978.461.*** nhắn tin vào số điện thoại 0964.093.*** của N để đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 2.780.000 đồng. N chưa kịp vào cấp thi bị bắt quả tang. Đến ngày 18/11/2016 B đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân (BL số 415, 417 - 418).

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N, B. Kết quả: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5, kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0978.461.*** lưu với tên “B”, phần nhật ký cuộc gọi: số điện thoại 0978.461.*** gọi đến 17 giờ 16 phút ngày 15/11/2016 và 17 giờ 42 phút ngày 16/11/2016, gọi đi vào số điện thoại 0978.461.*** lúc 18 giờ 06 phút ngày 15/11/2016; phần tin nhắn, số điện thoại 0978.461.*** nhắn đến 17 giờ 47 phút ngày 16/11/2016 nội dung: “62 x 30 điểm; Đề 62 = 40, đề 26 = 100”, nhắn đến 17 giờ 51 phút ngày 16/11/2016 nội dung: “Đề 11 = 50, 22 = 50, Lô 26 x 70 điểm, 27 x 20 đ, 72 x 30 đ, 62 x 70 đ, 76 x 25 đ, 67 x 25 đ”; Tin nhắn đi vào số

điện thoại 0978.461.*** lúc 17 giờ 47 phút và 17 giờ 55 phút ngày 16/11/2016 đều với nội dung “OK”. Kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 phần danh bạ có số điện thoại 0978.461.*** lưu với tên “B”, nhật ký cuộc gọi có cuộc gọi đi vào số điện thoại 0978.461.*** lúc 20 giờ 34 phút ngày 15/11/2016, phần tin nhắn không nội dung tin nhắn với số điện thoại 0978.461.***. N và B trình bày số điện thoại 0978.461.*** là số điện thoại của Phạm văn B.

6. Hành vi đánh bạc của N, B với Lê Thị H:

Do biết N, B nghi số lô, số đề nên H nhận làm thư ký cho N, N thống nhất sẽ trích lại cho H 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Khoảng 17 giờ ngày 15/11/2016, H dùng số điện thoại 0168.958.9*** gọi điện cho B để đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 2.079.000 đồng. H không trúng. Tổng số tiền H đánh bạc ngày 15/11/2016 là 2.079.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng), B ghi lại các số H đánh vào tờ cấp (ký hiệu A7). H đã thanh toán số tiền đánh bạc với N. Đến ngày 18/11/2016 H đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Khi đầu thú H giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đỏ có số Imei 1: 352246074462089, số Imei 2: 352246074462097 (BL số 396, 400 - 401)

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N, B và H. Kết quả: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5, của N, kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0168.958.9*** lưu với tên “B H T”, phần nhật ký cuộc gọi: số điện thoại 0168.958.9*** gọi đến lúc 17 giờ 54 phút ngày 15/11/2016, lúc 17 giờ 44 phút và 19 giờ 50 phút cùng ngày 16/11/2016. Kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 của N, kết quả: Phần danh bạ có số điện thoại 0168.958.9*** lưu với tên “H T”. N trình bày số điện thoại 0168.958.9*** là của H dùng để liên lạc đánh lô, đề với N.

Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đỏ có số Imei 1: 352246074462089, số Imei 2: 352246074462097 H giao nộp, kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0964.093.*** lưu với tên “B”. H trình bày số điện thoại 0964.093.*** là số điện thoại của B dùng để liên lạc đánh lô, đề với H.

7. Hành vi đánh bạc của N, B với Nguyễn Thị C:

Do biết N, B nghi số lô, số đề nên C nhận làm thư ký cho N, N thống nhất sẽ trích lại cho C 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Khoảng 18 giờ ngày 15/11/2016, N có gọi điện thoại vào số điện thoại 0162.800.3*** để C bán các số lô, số đề cho N với tổng số tiền là 1.365.000 đồng, số tiền C trúng ngày 15/11/2016 là 640.000 đồng. Tổng số tiền C đánh bạc ngày 15/11/2016 là 2.005.000 đồng (hai triệu không trăm linh năm nghìn đồng). N ghi lại các số C đánh vào tờ cấp (ký hiệu A6). C đã thanh toán số tiền đánh bạc với N. Đến ngày 21/11/2016, C đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của

mình. Chiếc điện thoại liên lạc với N, C đã làm mất, đến nay Cơ quan điều tra không thu hồi được (BL số 425, 427 - 428).

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N, B. Kết quả: Kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 phần danh bạ có số điện thoại 0162.800.3*** lưu với tên “Bà C”. B và N trình bày số điện thoại 0162.800.3*** là của C dùng để liên lạc ghi lô, đề với B và N.

8. Hành vi đánh bạc của N, B với Vũ Thị H:

N khai H làm thư ký ghi số lô, số đề cho N, N thống nhất sẽ trích lại cho H 1.000 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Hàng ngày H ghi các số lô, số đề của khách sau đó nhắn tin qua Zalo cho N, cụ thể: ngày 15/11/2016, Hòa nhắn tin Zalo các số lô, số đề cho N với tổng số tiền là 3.009.000 đồng, số tiền H trúng ngày 15/11/2016 là 6.080.000 đồng. Tổng số tiền H đánh bạc ngày 15/11/2016 là 9.089.000 đồng (chín triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng). (Các số lô, số đề trên được N ghi trong tờ cáp thu giữ có ký hiệu A6). H không thừa nhận hành vi đánh bạc với N, B. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Ng, B với H nhưng không có kết quả. (BL 251 - 252, 265 - 268)

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N và B kết quả cụ thể như sau: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5, kết quả: phần danh bạ có số điện thoại 0972.356.*** lưu với tên “Co H CH”. Kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 phần danh bạ, nhật ký cuộc gọi và tin nhắn không có nội dung từ số điện thoại 0972.356.***. B và N trình bày số điện thoại 0972.356.*** là của H dùng để liên lạc ghi lô, đề với B và N.

9. Hành vi đánh bạc của N, B với Ngô Thị B:

N khai B làm thư ký ghi số lô, số đề cho N, N thống nhất sẽ trích lại cho B 500 đồng/1 điểm lô, 15% tổng tiền đề và các dạng khác. Hàng ngày B ghi các số lô, số đề của khách sau đó chuyển cho N, cụ thể: ngày 15/11/2016, B chuyển các số lô, số đề cho N với tổng số tiền là 4.209.000 đồng. Sau đó N khai chuyển các số lô, số đề cho Nguyễn Việt T qua số điện thoại di động của T là 01646.595.***, số tiền B trúng ngày 15/11/2016 là 1.120.000 đồng. Tổng số tiền B đánh bạc ngày 15/11/2016 là 5.329.000 đồng (năm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng). B ghi các số lô, số đề do Ngô Thị B đánh và tờ cáp (ký hiệu A5). Ngày 16/11/2016 Ngô Thị B đánh các số lô, số đề với tổng số tiền là 1.115.000 đồng. N ghi các số lô, số đề do B đánh và tờ cáp (ký hiệu A5). Ngô Thị B không thừa nhận hành vi đánh bạc với N, B. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa N, B với Ngô Thị B nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai như trên (BL 438 - 439, 469 - 470, 473-474)

Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của N, B. Kết quả: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số IMEI: 355205/05297770/5 và chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung G530 số IMEI: 352957/07/164131/5 phần danh bạ,

phần nhật ký cuộc gọi và nội dung tin nhắn không có nội dung từ số điện thoại 01646.595.***.

10. Hành vi đánh bạc của N với Nguyễn Văn H:

N khai có quen và biết H làm chủ lô, chủ đề nên hàng ngày N trực tiếp nhận ghi các số lô, số đề của khách ngoài 09 đối tượng nêu trên, sau đó N nhắn tin vào số điện thoại 0129.303.4*** của H để hưởng phần trăm hoa hồng, cụ thể: ngày 15/11/2016, N chuyển các số lô, số đề cho H với tổng số tiền là 27.622.000 đồng, số tiền N trúng ngày 15/11/2016 là 40.400.000 đồng. Tổng số tiền N đánh bạc ngày 15/11/2016 với H là 68.022.000 đồng (sáu mươi tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng). (Các số lô, số đề trên được N ghi trong tờ cấp thu giữ có ký hiệu A5, N và H đã thanh toán tiền). H không thừa nhận hành vi đánh bạc với N. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa N với H nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai như trên. (BL 445 - 446, 471 - 472)

Ngày 18/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định số 03/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số trên các tờ cấp lô, cấp đề thu giữ khi khám xét khẩn cấp được ký hiệu từ A1 đến A7, khi bắt quả tang được ký hiệu A8, A9 với chữ viết, chữ số của N, B và H. Tại kết luận giám định số 1278/KL-PC54 ngày 21/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A5, A6 và A7 với chữ viết, chữ số của Phạm Xuân B trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A8 và A9 với chữ viết, chữ số của Phạm Thị H trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M10 là do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4 và một số chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A5, A6 và A7 với chữ viết, chữ số của Phạm Văn N trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M11 đến M15 là do cùng một người viết ra. (BL số 218 - 220)

Ngày 25/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra các Lệnh số 01, 02 thu giữ thư tín, điện tín tại Bưu điện đối với tất cả các số điện thoại di động mà các đối tượng sử dụng trong việc giao dịch, mua bán số lô, số đề. Kết quả cụ thể như sau:

Ngày 15/11/2016, số điện thoại 0964.093.*** và 0965.881*** là số điện thoại Phạm Văn N và Phạm Xuân B khai sử dụng mua, bán số lô, số đề có liên lạc với số điện thoại 0982.575.*** của Đ, số điện thoại 0987.803. của T, số điện thoại 0968.062.*** của D, số điện thoại 0168.958.9*** của H, số điện thoại 0162.800.3*** của C và N khai sử dụng số sim rác N không nhớ số đề liên lạc với số điện thoại 0987.470.*** của S.

Ngày 16/11/2016, số điện thoại 0964.093.*** và 0965.881*** là số điện thoại Phạm Văn N và Phạm Xuân B khai sử dụng mua, bán số lô, số đề có liên lạc với số điện thoại 0982.575.*** của Đ, số điện thoại 0987.803.*** của T, số điện thoại 0968.062.*** của D, số điện thoại 0978.461.*** của B và N khai sử dụng số sim rác N không nhớ số để liên lạc với số điện thoại 0987.470.*** của S.

Quá trình điều tra xác định số tiền Phạm Thị H đánh bạc trong ngày 16/11/2016 là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng); Phạm Văn N và Phạm Xuân B đánh bạc trong ngày 15/11/2016 là 111.184.000 đồng (một trăm mười một triệu một trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng), ngày 16/11/2016 là 19.923.000 đồng (mười chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng); Phạm Văn T đánh bạc ngày 15/11/2016 là 10.868.000 (mười triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng); Phạm Thị Đ đánh bạc ngày 15/11/2016 là 5.587.000 (năm triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) và Đào Văn S đánh bạc ngày 15/11/2016 là 5.669.000 (năm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 53/KSĐT ngày 25/6/2017 của VKSND huyện H đã truy tố các bị cáo: Phạm Văn N, Phạm Xuân B, Phạm Thị H, Phạm Văn T, Phạm Thị Đ và Đào Văn S về tội “Đánh bạc”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/9/2017 của TAND huyện H, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Văn N, Phạm Xuân B, Phạm Thị H, Phạm Văn T, Phạm Thị Đ và Đào Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

1, Áp dụng: điểm b, khoản 2, khoản 3, Điều 248; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 – BLHS năm 1999. Điểm s khoản 1, Điều 51, của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Phạm Văn N 2 năm 4 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2016 và phạt tiền 5.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

2, Áp dụng: điểm b, khoản 2, khoản 3, Điều 248; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 – BLHS năm 1999. điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Phạm Xuân B 2 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giữ từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2016 và phạt tiền 5.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án xử phạt các bị cáo khác với mức án từ 6 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung bằng tiền sung quỹ Nhà nước, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 04/10/2017 các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Xuân B nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: mức hình phạt 02 năm 04 tháng là quá nặng. Bị cáo đã nhận thức được sai lầm, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, bố mẹ già yếu hay ốm đau bệnh tật, mẹ bị tai biến, con nhỏ, vợ làm công nhân không có thời gian chăm lo cho gia đình. Bị cáo muốn được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo làm công dân tốt. Việc xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai gì. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cung cấp cho HĐXX xem xét.

- Bị cáo Phạm Xuân B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: bản thân hay ốm đau bệnh tật không lao động gì được chỉ ở nhà trông cháu giúp con cái, vợ bị tai biến, cháu nội còn nhỏ, nhà neo người, bị cáo và con trai bị xử phạt tù thì không có người trông nom, chăm sóc cho gia đình.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp cho TAND huyện H, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho các bị cáo. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/9/2017 của TAND huyện H, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Phần thủ tục tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Các bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo phù hợp quy định

của pháp luật, không gây bất lợi cho các bị cáo và người tham gia tố tụng khác nên HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết nội dung kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lợi dụng việc nhà nước tổ chức giải xổ số kiến thiết Miền Bắc, Phạm Văn N và Phạm Xuân B đã bàn bạc nhận mua các số lô, số đề của các đối tượng. Kết quả điều tra chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Ngày 15/11/2016, N và B đã đánh bạc với tổng số tiền 111.184.000 đồng (một trăm mười một triệu một trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng), trong đó: đánh bạc với Phạm Văn T số tiền 10.868.000 đồng, thu lời bất chính 2.868.000 đồng; với Phạm Thị Đ số tiền 5.587.000 đồng, thu lời bất chính 1.587.000 đồng; với Đào Văn S số tiền 5.669.000 đồng, thu lời bất chính 3.269.000 đồng; với Phùng Như D số tiền 2.536.000 đồng, thu lời bất chính 1.336.000 đồng; với Lê Thị H số tiền 2.079.000 đồng, thu lời bất chính 2.079.000 đồng; với Nguyễn Thị C số tiền 2.005.000 đồng, thu lời bất chính 725.000 đồng. Ngoài ra N khai đánh bạc với Nguyễn Văn H số tiền 68.022.000 đồng, với Vũ Thị H số tiền 9.089.000 đồng và với Ngô Thị B 5.329.000 trong đó tiền thu lời bất chính là 3.089.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền N và B thu lời bất chính ngày 15/11/2016 là 14.953.000 đồng.

Ngày 16/11/2016, N và B đã đánh bạc với tổng số tiền 19.923.000 đồng (mười chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó: đánh bạc với Phạm Thị Đ số tiền 4.137.000 đồng, với Đào Văn S số tiền 3.255.000 đồng, với Phùng Như D số tiền 3.236.000 đồng, với Phạm Văn B số tiền 2.780.000 đồng, với Ngô Thị B số tiền 1.115.000 đồng và số tiền bất quả tang thu giữ là 5.400.000 đồng.

Đối với Phạm Thị H đã giúp sức cho Phạm Văn N và Phạm Xuân B đánh bạc ngày 16/11/2016 với tổng số tiền đánh bạc là 5.400.000 đồng.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy: Tại phiên tòa, các bị cáo chỉ có yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nên các vấn đề khác của án sơ thẩm đã tuyên như hình phạt bổ sung bằng tiền, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 48- Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Án sơ thẩm nhận định: Các bị cáo N, B đều có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 – BLHS là “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Xong căn cứ vào Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội và công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm

2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, thì các bị cáo được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”.

Án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p, khoản 1, Điều 46-BLHS cho các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm xác định áp dụng cho các bị cáo là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015 là không chính xác, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Bởi vì: Tại thời điểm xét xử Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có sự sửa đổi, bổ sung; các Nghị quyết số 109 và Nghị quyết số 144 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 nêu trên đã hết hiệu lực thi hành; việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 được căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017). Theo đó để áp dụng tình tiết quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 – Bộ luật Hình sự thì người phạm tội phải đáp ứng đủ cả hai điều kiện là “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải” và không có việc xác định có hai tình tiết giảm nhẹ quy định trong một điểm s, khoản 1, Điều 46- BLHS năm 2015.

- Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến lĩnh vực an toàn, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

- Về nhân thân, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt nhưng trong thời gian gần liên tục có các hành vi phạm tội. Trong vụ án này cấp sơ thẩm xác định bị cáo N có vai trò thứ nhất, sau đó là bị cáo B là có căn cứ.

Từ những nội dung trên, án sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 năm 04 tháng tù, bị cáo Phạm Xuân B 02 năm tù là có căn cứ pháp luật.

- Tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó căn cứ tính chất của vụ án, vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án, hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2, Điều 2-Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 248- Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Xuân B. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Xuân B phạm tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 – BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2016.

+ Áp dụng: điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 – BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Xuân B 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giữ từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2016.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 99- BLTTHS, điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Xuân B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các vấn đề khác:

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng